

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243/2025/DS-ST

Ngày 12-9-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng
dịch vụ tư vấn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh.
- Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 501/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ tư vấn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 631/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Căn cổ C, Lô C, số S, đường H, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T.

Địa chỉ: đường số M, khu dân cư A, khu phố M, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/6/2024, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T, bà H (bên B) và Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T (bên A) đã ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn số 20062024. Theo nội dung hợp đồng hai bên thoả thuận những nội dung tư vấn sau:

Điều 1: Về đối tượng của hợp đồng là bên B tư vấn và thực hiện dịch vụ tư vấn theo yêu cầu của bên A;

Điều 2: Phương thức và thời hạn tư vấn trực tiếp; thời hạn tư vấn kể từ ngày 20/6/2024 đến hết ngày 30/8/2024;

Điều 3: Phí tư vấn và phương thức thanh toán; Phí tư vấn là số tiền 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng), thời hạn thanh toán 100% phí tư vấn sau khi công ty nhận được đầy đủ 03 tháng tiền đặt cọc của khách hàng công ty TNHH Horizon Construction Development (Việt Nam) theo hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 21/6/2024 chậm nhất trong vòng 03 ngày....

Sau khi tư vấn bà H đã thực hiện đầy đủ nội dung tư vấn theo hợp đồng, tìm kiếm khách hàng thuê mặt bằng và giới thiệu công ty TNHH H (Việt Nam) thuê mặt bằng của Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T tại xóm M, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo đó, ngày 21/6/2024, công ty TNHH H (Việt Nam) và Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T đã ký kết hợp đồng thuê mặt bằng, ngày 12/9/2024, công ty TNHH H (Việt Nam) đã thanh toán số tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T với số tiền 171.510.000đ.

Như vậy, theo Điều 3 của hợp đồng tư vấn thì Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải có nghĩa vụ thanh toán phí tư vấn chậm nhất đến ngày 15/9/2024 với số tiền là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng).

Tuy nhiên, đã nhiều lần liên hệ và gặp trực tiếp nhưng công ty vẫn không thực hiện thanh toán số tiền tư vấn theo hợp đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải thanh toán số tiền phí dịch vụ 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 16/9/2024 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) cụ thể: 52.000.000đ x 11 tháng 26 ngày = 5.142.222đ (năm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có bản khai trình bày ý kiến:

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ tư vấn” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T có địa chỉ trụ sở tại: 5/3, đường số 1, khu dân cư An Bình, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai) nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên không có ý kiến trình bày. Cho đến nay, Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và họ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.1] Về nội dung:

[2.1] Về tiền phí dịch vụ:

[2.1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H cung cấp hợp đồng dịch vụ tư vấn số 20062024 ngày 20/6/2024 được ký kết giữa bà Trần Thị Mỹ H (bên B) và Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T (bên A). Theo nội dung hợp đồng hai

bên thoả thuận thì bà H cung cấp dịch vụ tư vấn cho bên công ty Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T với phí dịch vụ là số tiền 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng). Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp hợp đồng thuê mặt bằng ngày 21/6/2024 giữa công ty TNHH H (Việt Nam) và Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T; phiếu thanh toán của công ty TNHH Hopment (Việt Nam) về việc đã thanh toán số tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T với số tiền 171.510.000đ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 158 của Bộ luật Dân sự thì bà H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng dịch vụ.

[2.1.2] Tòa án đã thông báo, triệu tập Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T tới Tòa án làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T không đến, cũng không ủy quyền cho ai khác đến Tòa án làm việc. Để đảm bảo quyền lợi Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, văn bản thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ mà bà H đã giao nộp như đã nêu ở trên và các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án đã thu thập được cho Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T. Đồng thời yêu cầu Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H nhưng Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T không trả lời, không có ý kiến phản đối. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà bà H đã cung cấp như đã liệt kê ở trên và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền dịch vụ chưa thanh toán: Căn cứ vào Điều 519 của Bộ luật Dân sự, việc bà H yêu cầu công ty Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải thanh toán tiền dịch vụ là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Theo hợp đồng hai bên không thoả thuận về tiền lãi. Do hai bên thoả thuận thời hạn thanh toán tiền phí dịch vụ chậm nhất đến 15/9/2025 nhưng đến hạn Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T không thanh toán nên nguyên đơn bà H yêu cầu tính lãi 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) trên số tiền chậm trả được tính từ ngày 16/9/2024 đến ngày xét xử xử là 11 tháng 24 ngày với số tiền 52.000.000đ x 11 tháng 26 ngày = 5.142.222đ (năm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi là 5.142.222đ (năm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng). Tổng số tiền 57.142.222đ (năm mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 2.857.111đ (hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm mười một đồng).

[3.2] Hoàn trả cho nguyên đơn bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 513, 514, 515, 516, 517, 158 và 159 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ tư vấn” giữa bà Trần Thị Mỹ H và Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T.

Tuyên buộc Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền là 57.142.222đ (năm mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng). Trong đó số tiền dịch vụ là 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi là 5.142.222đ (năm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Thương Mại dịch vụ xây dựng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 2.857.111đ (hai triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm mười một đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.353.000đ (một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006740 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Hoà (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND KV1- Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- PTHADS KV1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn